

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
BUTYL GLYCOL ACETATE

Sử dụng: Hóa chất, (các) dung môi

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Chất lỏng dễ cháy: Cat.4
Độ độc cấp tính: Cat.4 (tiếp xúc miệng)
Độ độc cấp tính: Cat.4 (trên da)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
 Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227

Chất lỏng cháy được.

Có hại khi nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.

H402

Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280

Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.

P210

Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.

P273

Tránh thải vào môi trường.

P270

Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P264

Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P312

Liên hệ với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

P303 + P352

NẾU DÍNH TRÊN DA (Hoặc tóc): Rửa sạch với xà phòng và nước.

P361 + P364

Cởi bỏ ngay lập tức quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

P330

Súc miệng.

P370 + P378

Trong tình huống cháy: sử dụng nước, bột hóa chất khô, bọt foam hoặc bình CO2 để dập tắt đám cháy.

Lưu ý khi bảo quản:

P403

Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

2-butoxyethyl acetate (Hàm lượng (W/W): $\geq 99\%$)

Số CAS: 112-07-2

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Thành phần nguy hại

2-butoxyethyl acetate

Hàm lượng (W/W): $\geq 99\%$ - \leq

100 %

Số CAS: 112-07-2

Flam. Liq.: Cat. 4

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 4 (trên da)

Aquatic Acute: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ.

| Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

| Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

| Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

| Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

| Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Những mối nguy hiểm: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

| bột khô, Phun nước, cacbon dioxide, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

| Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

| Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

| Chất lỏng dễ cháy Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

| Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập. Phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt cho lính cứu hỏa

Thông tin bổ sung:

| Những người không phận sự không được vào khu vực. Chữa cháy từ khoảng cách xa nhất có thể.

Thông tin bổ sung:

| Mở rộng các biện pháp chữa cháy Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Tránh hít vào Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

| Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Sử dụng thiết bị chống tĩnh điện.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào tầng đất nền/đất. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát) Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Lượng đổ tràn nên được chặn lại, đông đặc lại, và được đặt trong các thùng chứa thích hợp để thải bỏ.

| Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

| Việc thoát chất/sản phẩm có thể gây cháy hay nổ. Chặn hoặc khóa nguồn tràn đổ. Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn.

| Đóng trong thùng kín khi thải bỏ.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Tránh tiếp xúc với không khí/ khí oxy (dạng peroxyt) Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Tiếp đất các thiết bị truyền dẫn thích hợp để tránh phóng tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt Bảo vệ khỏi không khí.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

2-butoxyethyl acetate, 112-07-2;
Giá trị TWA 20 ppm (ACGIHTLV)

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh hít phải hơi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	không màu
Mùi:	giống este
Ngưỡng mùi:	không được xác định

Giá trị pH:

không áp dụng, tính tan chậm

Điểm nóng chảy:

-63.5 °C
(1,013.25 hPa)
Dữ liệu tài liệu.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
 Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Khoảng sôi:	184 - 195 °C (1,013 hPa)	(DIN 53171)
Điểm chớp cháy:	78 °C	(cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	1.0 %(V) (73 °C) Xác định điểm nổ dưới của chất hoặc hợp chất được. Điểm giới hạn này mô tả nhiệt độ của các chất lỏng dễ cháy ở nồng độ hơi bão hòa với không khí trở thành giới hạn nổ dưới.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	6.1 %(V) (106.9 °C) Xác định điểm nổ trên của chất hoặc hợp chất được. Điểm giới hạn này mô tả nhiệt độ của các chất lỏng dễ cháy ở nồng độ hơi bão hòa với không khí trở thành giới hạn nổ trên.	
Nhiệt độ tự cháy:	280 °C	
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.5 hPa (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng:	0.935 - 0.942 g/cm ³ (20 °C)	(DIN 51757)
Tỷ trọng tương đối:	0.935 - 0.942 (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được ước lượng)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Tính tan trong nước:	Dữ liệu tài liệu. 15 g/l (20 °C)
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	1.51 (OECD-Hướng dẫn 107) (25 °C; Giá trị pH: 7) Dữ liệu đề cập đến hình thức không phân tách của chất.
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 15.08; biểu đồ KOC: 1.18 (được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.
Tính nhớt, động lực:	1.8 mPa.s (20 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tính nhớt, động học:	1.923 mm ² /s (20 °C)
Khối lượng mol:	160.21 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Không có cảnh báo đặc biệt nào hơn việc giữ gìn vệ sinh nhà xưởng chứa hoá chất.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ
dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

| Khi đun nóng có thể tỏa ra hơi dễ cháy.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): tương đương 1,880 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 400 ppm 4 h (OECD hướng dẫn 403)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận. Nồng độ cao nhất có sẵn để thí nghiệm. Thí nghiệm hơi nước.

Độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): tương đương 1,500 mg/kg

Đánh giá độ độc cấp tính

Độc tính vừa phải sau 1 lần ăn vào. Độc tính vừa phải sau khi tiếp xúc da ngắn hạn. Việc hít vào một hỗn hợp hơi-khí có nồng độ cao/ bão hòa cho thấy không có khả năng nguy hại độc tính. Sản phẩm được phân loại là nguy hiểm nếu hít phải theo quy định của Liên minh Châu Âu.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm Buehler chuột lang: Không làm mẫn cảm. (Hướng dẫn 92/69/EEC, B.6)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú. Chất không gây đột biến trong thí nghiệm với động vật có vú. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không phát hiện tác nhân gây ung thư trong các nghiên cứu lâu dài trên động vật bằng cách cho hít hoá chất.

Độc đối với sinh sản

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Trong các nghiên cứu trên động vật, chất không là nguyên nhân gây ra những dị tật. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Phá hủy các tế bào máu. Do phương thức hoạt động cụ thể của các loài, những tác động này không chắc chắn có thể xuất hiện trên người.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 28.3 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD - Hướng dẫn 203, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Dữ liệu tài liệu.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 37 mg/l, *Daphnia magna* (DIN 38412 Phần 11, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 1,570 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (ISO 8692, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Dữ liệu tài liệu.

EC0 (72 h) 300 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (ISO 8692, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Dữ liệu tài liệu.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (180 min) > 1,000 mg/l, (DIN EN ISO 8192, hiếu khí)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Độc mãn tính cho loài cá:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
EC10 (7 d), 30.4 mg/l, Ceriodaphnia dubia (OECD Hướng dẫn 211, bán tính)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.
Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:
88 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:
Không có sẵn các dữ liệu.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:
Không có sẵn các dữ liệu.

Những tác động bất lợi khác

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):
Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

13. Thông tin về thải bỏ

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID

Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
 Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
---	---------------

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
---------------------------------	---------------

Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
----------------	---------------

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Ô nhiễm hàng hải:	Không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin
------------------------------------	-------------------

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es):	Not applicable
-----------------------------	----------------

Packing group:	Not applicable
----------------	----------------

Environmental hazards:	Not applicable
Marine pollutant:	no

Special precautions for user	None known
------------------------------	------------

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
---	---------------

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
---------------------------------	---------------

Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
----------------	---------------

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
------------------------------	---------------

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin
------------------------------------	-------------------

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es):	Not applicable
-----------------------------	----------------

Packing group:	Not applicable
----------------	----------------

Environmental hazards:	Not applicable
------------------------	----------------

Special precautions for user	None known
------------------------------	------------

15. Thông tin về pháp luật

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023
Sản phẩm: **BUTYL GLYCOL ACETATE**

Phiên bản: 8.0

(30034846/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.